

Bản án số: 277/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-03-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Trinh
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 1063/2022/TLST – HNST ngày 15/11/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Hà Thị H, sinh năm 1980;
Địa chỉ : B12 P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Ông Tạ Văn T, sinh năm 1983;
Địa chỉ : B12 P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 31/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày: Bà và ông Tạ Văn T chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay, bà và ông T có tổ chức lễ cưới nhưng do bận công việc nên bà

và ông T không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Có 2 con chung 02 con chung là Tạ Anh T2, sinh ngày 13/9/2002 – đã thành niên và Tạ Anh K, sinh ngày 09/9/2007. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K, cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Bà H khai không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Tạ Văn T trình bày: Ông và bà Hà Thị H chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay, do bận công việc nên ông và bà H không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nên ông đồng ý yêu cầu của bà H là yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình không công nhận ông và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Có 2 con chung là Tạ Anh T2, sinh ngày 13/9/2002 – đã thành niên và Tạ Anh K, sinh ngày 09/9/2007. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao trẻ K cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông T khai không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Hà Thị H và ông Tạ Văn T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hà Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Tạ Văn T do ông T hiện đang cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1

Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà H có đơn xin vắng mặt; Bị đơn - ông T có đơn xin vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu Tòa án không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

Nhận thấy: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm ông T, bà H chung sống với nhau cả hai đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng cho đến nay cả hai không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T.

[5] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số: 87/2006, quyền số 01 cấp ngày 07/8/2006 và số 176/2007 quyền số 01 cấp ngày 01/10/2007 đều do UBND xã F, huyện L, tỉnh Hà Nam thì Tạ Anh T2 – sinh ngày 13/9/2002 – đã thành niên và Tạ Anh K – sinh ngày 09/9/2007 là con chung của ông Tạ Văn T và bà Hà Thị H.

Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tạ Anh K.

Xét thấy: Trẻ K hiện do bà H đang trực tiếp chăm sóc, ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và nguyện vọng của trẻ K là muốn được ở chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao trẻ K cho bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà H và ông T khai không có.

[8] Về nợ chung: Bà H và ông T khai không có.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Hà Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị H và ông Tạ Văn T là vợ chồng.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Tạ Anh K – sinh ngày 09/9/2007 cho bà Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Hà Thị H và ông Tạ Văn T khai không có.

1.4. Về nợ chung: Bà Hà Thị H và ông Tạ Văn T khai không có.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Hà Thị H chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0032302 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc